

Bài 3. PHÂN BỐ DÂN CƯ VÀ CÁC LOẠI HÌNH QUẦN CƯ

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

- Hiểu và trình bày được đặc điểm mật độ dân số và phân bố dân cư của nước ta.
- Biết đặc điểm của các loại hình quần cư nông thôn, quần cư thành thị và đô thị hoá ở nước ta.
- Biết phân tích lược đồ phân bố dân cư và đô thị Việt Nam (năm 1999), một số bảng số liệu về dân cư.

– Ý thức được sự cần thiết phải phát triển đô thị trên cơ sở phát triển công nghiệp, bảo vệ môi trường nơi đang sống, chấp hành các chính sách của Nhà nước về phân bố dân cư.

II – MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý

– Việt Nam thuộc nhóm các nước có mật độ dân số cao trên thế giới. Mật độ dân số nước ta còn cao hơn cả Trung Quốc (nước có dân số lớn nhất thế giới), In-đô-nê-xi-a (nước có dân số đông nhất Đông Nam Á). Điều đó chứng tỏ Việt Nam là một nước "đất chật người đông".

– Dân cư nước ta phân bố rất không đều. Những nơi có điều kiện thuận lợi thì mật độ dân số rất cao, dẫn tới sự quá tải về quỹ đất, nguy cơ cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường. Việc di dân, phân bố lại dân cư, phát triển kinh tế, văn hoá miền núi cần phải đi đôi với việc xây dựng cơ sở hạ tầng, lựa chọn cơ cấu kinh tế hợp lí và bảo vệ môi trường.

Khi phân tích về sự phân bố dân cư, đặc điểm của các hình thức quần cư, GV cần giúp HS hiểu được tính hợp lí hoặc chưa hợp lí của sự phân bố dân cư, các hình thức quần cư của người dân ở các vùng khác nhau, kể cả ở các đô thị.

Trong nửa thế kỉ qua nước ta thường xuyên có những cuộc di dân do những nguyên nhân khác nhau, trong đó có nguyên nhân về kinh tế.

Các luồng di dân từ nông thôn ra thành thị gắn liền với quá trình công nghiệp hoá với sự hình thành những thành phố công nghiệp (Việt Trì, Thái Nguyên,...) và việc thành lập các khu công nghiệp, khu chế xuất mới trong những thập niên Đổi mới. Việc di dân tự do vào các đô thị đang là vấn đề bức xúc, tạo nên sức ép lớn đối với cơ sở hạ tầng, môi trường đô thị và các vấn đề xã hội khác.

III – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CẦN THIẾT

- Bản đồ phân bố dân cư và đô thị Việt Nam.
- Tranh ảnh về nhà ở, một số hình thức quần cư ở Việt Nam.
- Bảng thống kê mật độ dân số một số quốc gia và dân đô thị ở Việt Nam.

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY BÀI MỚI

1. Gợi ý dạy mục I : Mật độ dân số và phân bố dân cư

GV cho HS so sánh các số liệu về mật độ dân số nước ta giữa các năm 1989, 2003 để thấy mật độ dân số ngày càng tăng.

Để giúp HS nhận biết dân cư phân bố không đều, GV yêu cầu HS quan sát bản đồ phân bố dân cư và đô thị Việt Nam, trả lời các câu hỏi của mục này trong SGK. GV lưu ý HS về sự phân bố các thành phố, thị xã trong quan hệ với các vùng có mật độ dân số cao. Sau đó yêu cầu HS đọc phần bài học trong SGK để rút ra nhận định dân cư phân bố không đều giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn, GV cũng nên cho HS tìm nguyên nhân của đặc điểm phân bố không đều này.

2. Gợi ý dạy mục II : Các loại hình quần cư

a) *Quần cư nông thôn*

– GV yêu cầu HS dựa vào SGK, quan sát các tranh ảnh về quần cư, tìm đặc điểm chung của quần cư nông thôn, sự khác nhau của quần cư nông thôn ở các vùng và giải thích.

– Khi phân tích về đặc điểm quần cư nông thôn, bên cạnh việc giúp HS hiểu về quy mô dân số, tên gọi các điểm quần cư ở các vùng miền, các dân tộc khác nhau, GV nên tập trung sự chú ý HS về hoạt động kinh tế chính của loại hình này, từ đó hiểu vì sao các làng bản ở nông thôn thường cách xa nhau. Mật độ nhà ở và cách bố trí các không gian trong nhà cũng có đặc điểm riêng ở các vùng miền. Đó chính là sự thích nghi của con người với thiên nhiên và hoạt động kinh tế của người dân. GV nên cho HS phân tích sâu một loại hình quần cư ở một vùng cụ thể, tốt nhất là địa phương nơi HS đang sống để từ đó HS tự tìm hiểu về các vùng miền khác.

b) *Quần cư thành thị*

– GV cho HS đọc SGK và dựa vào vốn hiểu biết để nêu đặc điểm của quần cư thành thị ở nước ta, sự khác nhau về hoạt động kinh tế và cách thức bố trí nhà ở giữa thành thị và nông thôn.

– Tiếp theo, GV yêu cầu HS quan sát bản đồ phân bố dân cư và đô thị Việt Nam, trả lời câu hỏi của mục này trong SGK. Khi HS giải thích về sự phân bố các đô thị, GV nên hướng dẫn HS nhận xét những lợi thế về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và các nhân tố kinh tế – xã hội đã ảnh hưởng đến sự hình thành, phát triển hệ thống đô thị của nước ta.

3. Gợi ý dạy mục III : Đô thị hoá

– GV cho HS quan sát bảng số liệu "Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị", trả lời câu hỏi của mục III trong SGK. Khi phân tích bảng số liệu này, GV giúp HS biết được một số ý sau :

+ Số dân thành thị và tỉ lệ dân đô thị tăng liên tục nhưng không đều giữa các giai đoạn. Giai đoạn có tốc độ tăng nhanh nhất là 1995 – 2003.

+ Tỉ lệ dân đô thị của nước ta còn thấp. Điều đó chứng tỏ nước ta vẫn ở trình độ đô thị hoá thấp. Kinh tế nông nghiệp còn có vị trí khá cao.

– GV cho HS quan sát bản đồ phân bố dân cư và đô thị để nhận xét về sự phân bố của các thành phố lớn, đồng thời thảo luận về vấn đề đặt ra cho dân cư tập trung quá đông ở các thành phố lớn (Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh).